

Số: 09/2020/QĐST-HNGĐ

Than Uyên, ngày 16 tháng 12 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THAN UYÊN TỈNH LAI CHÂU

Căn cứ các Điều 149, 212, 213, 361, 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;
Căn cứ Điều 357 Bộ luật Dân sự;

Căn cứ các Điều **55, 57, 58, 81, 82, 83, 107, 110, 116, 117** Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày **08** tháng **12** năm 2020

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số **16/2020/TLST-HNGĐ** ngày **26** tháng **11** năm 2020 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con khi ly hôn gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

1. Chị Lê Thu P, sinh năm: 1989

2. Anh Lê Văn L, sinh năm: 1986

Đều cư trú tại: Khu 7, thị trấn T huyện T tỉnh Lai Châu.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Không.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Anh Lê Văn L và chị Lê Thu P tìm hiểu trên tinh thần tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 21/6/2010 tại UBND thị trấn Than Uyên, huyện Than Uyên, tỉnh Lai Châu. Căn cứ vào Giấy chứng nhận kết hôn số 34, quyển số 01 ngày 21/6/2010 của UBND thị trấn Than Uyên, huyện Than Uyên, tỉnh Lai Châu cấp cho chị P và anh L xác nhận hôn nhân của anh chị là hôn nhân hợp pháp.

Về tình trạng hôn nhân: Sau khi kết hôn sống chung hạnh phúc được hơn 05 năm thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do không hợp tính tình, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không có tiếng nói chung và đã ly thân từ năm 2015 đến nay. Ngày 25/11/2020 anh L và chị P cùng yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Than Uyên công nhận chị P và anh L thuận tình ly hôn. Kèm theo đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn và thỏa thuận nuôi con các đương sự đã nộp các tài liệu chứng cứ chứng minh cho yêu cầu của mình. Xét thấy, tình trạng hôn nhân của chị P và anh L đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được và nội dung thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện,

không trái quy định của pháp luật và đạo đức xã hội, không nhằm trốn tránh nghĩa vụ. Căn cứ vào biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 08/12/2020 giữa chị Lê Thu P và anh Lê Văn L xác định chị P và anh L thuận tình ly hôn.

[2] Về nuôi con chung: Anh Lê Văn L và chị Lê Thu P xác nhận có hai con chung là Lê Anh Đức, sinh ngày 03/01/2012 và Lê Khánh Chi, sinh ngày 06/7/2015. Hiện nay cả hai cháu đang ở cùng mẹ là chị Lê Thu P.

Anh Lê Văn L và chị Lê Thu P thỏa thuận: Chị Lê Thu P là người trực tiếp, trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả hai con chung Lê Anh Đức và Lê Khánh Chi cho đến khi cháu Đức, cháu Chi thành niên (đủ 18 tuổi).

Về cấp dưỡng nuôi con chung chưa thành niên khi ly hôn: Chị P và anh L tự thỏa thuận anh Lê Văn L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung. Mức cấp dưỡng là 2.500.000 đồng (*Hai triệu năm trăm nghìn đồng*)/01 tháng/01 cháu, P thực cấp dưỡng mỗi tháng một lần, thực hiện vào ngày 25 hàng tháng, thời gian bắt đầu thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng từ ngày 25/12/2020 (*duyệt lịch*) cho đến khi các con chung thành niên (đủ 18 tuổi), có khả năng lao động.

Xét thấy thỏa thuận về nuôi con, cấp dưỡng nuôi con chung sau khi ly hôn của các đương sự là tự nguyện, không trái quy định của pháp luật và đạo đức xã hội, đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của các con chung chưa thành niên do vậy cần xem xét chấp nhận.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Do anh Lê Văn L và chị Lê Thu P không có yêu cầu Tòa án không xem xét giải quyết.

Xét thấy các đương sự tự nguyện ly hôn, hai bên đã thỏa thuận được với nhau về việc trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con con chung chưa thành niên khi ly hôn và không yêu cầu chia tài sản chung, giải quyết nợ chung. Sự thỏa thuận của các đương sự đã bảo đảm quyền lợi chính đáng của vợ, con chưa thành niên.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Lê Văn L và chị Lê Thu P thuận tình ly hôn.
- Về con chung: Giao cho chị Lê Thu P trực tiếp, trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả hai con chung là Lê Anh Đức, sinh ngày 03/01/2012 và Lê Khánh Chi, sinh ngày 06/7/2015 cho đến khi cháu Đức, cháu Chi thành niên (đủ 18 tuổi).

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị P và anh L tự thỏa thuận anh Lê Văn L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung. Mức cấp dưỡng là 2.500.000 đồng (*Hai triệu năm trăm nghìn đồng*)/01 tháng/01 cháu, P thực cấp dưỡng mỗi tháng một lần, thực hiện vào ngày 25 hàng tháng, thời gian bắt đầu thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng từ ngày 25/12/2020 (*duyệt lịch*) cho đến khi các con chung thành niên (đủ 18 tuổi), có khả năng lao động. Trường hợp anh Lê Văn L chậm trả tiền

thì phải chịu trách nhiệm do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền theo Điều 357 Bộ luật dân sự.

Anh L có nghĩa vụ tôn trọng quyền của các con chung được sống chung với chị P. Chị P có quyền yêu cầu anh L cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình.

Sau khi ly hôn anh Lê Văn L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị Lê Thu P và anh Lê Văn L không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

- Về các vấn đề khác: Không.

2. Về lệ phí Tòa án: Lệ phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) trong đó người yêu cầu là anh Lê Văn L và chị Lê Thu P mỗi người phải chịu 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*). Xác nhận anh Lê Văn L và chị Lê Thu P đã nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng lệ phí theo biên lai số: AA/2016/0000238 ngày 26/11/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Than Uyên, tỉnh Lai Châu nay chuyển thành lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Tòa án tỉnh Lai Châu
- VKSND tỉnh Lai Châu
- VKSND huyện T
- Chi cục THA Dân sự huyện T
- UBND thị trấn Than Uyên;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Giang Thị Vượng